

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Căn cứ Điều 56 Luật đấu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 762/QĐ-UBND-HC ngày 13/7/2022 về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu;

Căn cứ Quyết định số 76/QĐ-CQLTT ngày 15/7/2022 về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp xin thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, cụ thể như sau:

1. Tên, địa chỉ người có tài sản đấu giá:

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp, Địa chỉ: Số 60, Đường 30/4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Tên tài sản bán đấu giá: Tài sản là tang vật vi phạm hành chính bị tịch thu. (04 lô hàng, đính kèm bảng kê)

* Lô 12 điện thoại đã qua sử dụng: 46.000.000 đồng.

* Lô 06 điện thoại đã qua sử dụng: 20.000.000 đồng.

* Lô phụ kiện điện thoại, micro: 13.150.000 đồng.

* Lô mắt kính: 3.350.000 đồng.

3. Giá khởi điểm của toàn bộ tài sản bán đấu giá là: 82.500.000 đồng

4. Tiêu chí lựa chọn tổ chức bán đấu giá:

- Thực hiện theo Thông tư hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản số: 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp. (Phụ lục I đính kèm)

- Ngoài ra tổ chức đấu giá nào có kinh nghiệm đấu giá lâu năm nhất được cộng thêm 05 điểm tại mục "V-Tiêu chí khác" của bảng chấm điểm được quy định tại Thông tư số: 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp.

5. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ đăng ký:

Kể từ ngày 19/7/2022 đến trước 16 giờ 30 phút, ngày 21/7/2022 (Trong giờ hành chính) nếu các tổ chức đấu giá tài sản có nhu cầu thì nộp Hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp. Địa chỉ: Số 60, Đường 30/4, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

* Lưu ý: Không hoàn lại hồ sơ đối với hồ sơ không được lựa chọn.

Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp thông báo để các tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký. / *ZM*

Nơi nhận:

- Cục trưởng (b/c);
- Công TTĐT Cục;
- Niêm yết tại trụ sở Cục;
- Công TTĐTQG về ĐGTS;
- Lưu: VT, NVTH.



TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP



BẢNG KÊ TANG VẬT VI PHẠM HÀNH CHÍNH BỊ TỊCH THU XỬ LÝ BÁN ĐẤU GIÁ

(Kèm theo thông báo số: 570/TB-CQLTT ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Đồng Tháp)

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày tháng								
I. LÔ ĐIỆN THOẠI ĐQSD (12 cái)					TỔNG TRỊ GIÁ LÔ HÀNG						46.000.000
1	552/QĐ-XPHC	26/05/22	Ủy ban nhân dân	Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu vàng, tên kiểu máy Iphone 6S Plus, số máy: MKVX2LL/A, số seri: C38QR510GRX2, dung lượng 64 GB, IMEI: 353287079785206, model: A1687	Assembled in China	ĐQSD	Cái	1	3.500.000	3.500.000
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu hồng, tên kiểu máy Iphone 6S Plus, số máy: MKVU2LL/A, số seri: F2LRCE4RGRWQ, dung lượng 16 GB, IMEI: 355730071088952, model: A1687	Assembled in China	ĐQSD	Cái	1	2.900.000	2.900.000
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu vàng, tên kiểu máy Iphone 6S Plus, số máy: MKUN2LL/A, số seri: FCDS62GQGRWM, dung lượng 16 GB, IMEI: 358603070541130, model: A1687	Assembled in China	ĐQSD	Cái	1	2.900.000	2.900.000
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu bạc, tên kiểu máy Iphone 6S Plus, số máy: MN2W2B/A, số seri: FCCWJ1E1HFM3, dung lượng 32 GB, IMEI: 358607074058322, model: A1687	Assembled in China	ĐQSD	Cái	1	3.000.000	3.000.000
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu hồng, tên kiểu máy Iphone 6S, số máy: MKQW2KH/A, số seri: FK1VW45WGRYK, dung lượng 128 GB, IMEI: 359484083466519, model: A1688	Assembled in China	ĐQSD	Cái	1	2.700.000	2.700.000
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu hồng, tên kiểu máy Iphone 6S, số máy: MKQR2KH/A, số seri: FK2QPGNZGRYF, dung lượng 64 GB, IMEI: 35542007554170, model: A1668	Assembled in China	ĐQSD	Cái	1	2.900.000	2.900.000
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu đen, tên kiểu máy Iphone 7 Plus, số máy: MNQH2LL/A, số seri: FCNTW1YEHG00, dung lượng 32 GB, IMEI: 356696082700597, model: A1661	Assembled in China	ĐQSD	Cái	1	4.500.000	4.500.000
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu đen, tên kiểu máy Iphone 7 Plus, số máy: MNR12LL/A, số seri: FCJT814HHG00, dung lượng 32 GB, IMEI: 355843083549927, model: A1661	Assembled in China	ĐQSD	Cái	1	4.500.000	4.500.000



STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày tháng								
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu đen, tên kiểu máy Iphone 7 Plus, số máy: MNR52LL/A, số seri: FCFTK396HG00, dung lượng 32 GB, IMEI: 355837086924566, model: A1784	Assembled in China	ĐQSD	Cái	1	4.500.000	4.500.000
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu bạc, tên kiểu máy Iphone 7 Plus, số máy: MNFQ2LL/A, số seri: C39SWBKJHFXX, dung lượng 128 GB, IMEI: 353820088798883, model: A1784	Assembled in China	ĐQSD	Cái	1	5.600.000	5.600.000
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu bạc, tên kiểu máy Iphone 7 Plus, số máy: NN532LL/A, số seri: F2MTH6C9HX9F, dung lượng 128 GB, IMEI: 35584108672630, model: A1661	Assembled in China	ĐQSD	Cái	1	4.500.000	4.500.000
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu đỏ, tên kiểu máy Iphone 7 Plus, số máy: MPR12LL/A, số seri: F2PTCR2DHX9F, dung lượng 128 GB, IMEI: 355843084959216, model: A1661	Assembled in China	ĐQSD	Cái	1	4.500.000	4.500.000
II. LÔ ĐIỆN THOẠI ĐQSD (06 cái)					TỔNG TRỊ GIÁ LÔ HÀNG						20.000.000
1	Đội 4	49040027/QĐ-XPHC	02/06/22	Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu đen, tên kiểu máy Iphone 7 Plus, số máy: MNQR2LL/A, số seri: FCCSW0GMHG04, dung lượng 32 GB, IMEI: 353808083538156, model: A1784	Trung Quốc	ĐQSD	Cái	1	2.000.000	2.000.000
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu đen, tên kiểu máy Iphone 7 Plus, số máy: MNR12LL/A, số seri: C39SXGRHHG00, dung lượng 32 GB, IMEI: 355373080056395, model: A1784	Trung Quốc	ĐQSD	Cái	1	2.000.000	2.000.000
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu hồng, tên kiểu máy Iphone 7 Plus, số máy: MNR42LL/A, số seri: FCCZ67PAHG03, dung lượng 32 GB, IMEI: 356078090544434, model: A1688	Trung Quốc	ĐQSD	Cái	1	2.000.000	2.000.000
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu đen, tên kiểu máy Iphone 7 Plus, số máy: MNR12LL/A, số seri: F2LV303WHG00, dung lượng 32 GB, IMEI: 359471081316747, model: A1661	Trung Quốc	ĐQSD	Cái	1	2.000.000	2.000.000
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu đen, tên kiểu máy Iphone 7 Plus, số máy: MNR12LL/A, số seri: FCMSX77AHG00, dung lượng 32 GB, IMEI: 355372081561122, model: A1661	Trung Quốc	ĐQSD	Cái	1	2.000.000	2.000.000

STT	Cơ quan ban hành	Quyết định xử phạt/tịch thu		Tài sản	Chủng loại, nhãn hiệu, Imei, Seri	Nguồn gốc, xuất xứ	Chất lượng hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
		Số	Ngày tháng								
				Điện thoại di động	Nhãn hiệu Iphone, màu đen, tên kiểu máy Iphone 12, số máy: MGHN3J/A, số seri: DX3HJ23G0F00, dung lượng 64 GB, IMEI: 351365226070227, MEI 2: 351365226011981	Trung Quốc	ĐQSD	Cái	1	10.000.000	10.000.000
III. LÔ PHỤ KIỆN ĐIỆN THOẠI, MICRO					TỔNG TRỊ GIÁ LÔ HÀNG						13.150.000
1	Đội 4	49040025/QĐ-XPFC	24/05/22	Tai nghe	Nhãn hiệu AirPods	Trung Quốc	CQSD	Hộp	6	200.000	1.200.000
				Tai nghe	Nhãn hiệu AirPods Pro	Trung Quốc	CQSD	Hộp	2	200.000	400.000
				Sạc dự phòng	Nhãn hiệu Hoco J72	Trung Quốc	CQSD	Hộp	8	100.000	800.000
2	Đội 4	49040026/QĐ-XPFC	30/05/22	Dây đeo đồng hồ	Nhãn hiệu Watch	Trung Quốc	CQSD	Hộp	14	50.000	700.000
				Dây đeo đồng hồ	Nhãn hiệu Cocoteetcl	Trung Quốc	CQSD	Hộp	2	100.000	200.000
				Pin sạc dự phòng	Nhãn hiệu Baseus, model PPCXW10	Trung Quốc	CQSD	Hộp	1	500.000	500.000
				Pin sạc dự phòng	Nhãn hiệu Baseus, model PPNLD45CC	Trung Quốc	CQSD	Hộp	1	500.000	500.000
				Cáp sạc điện thoại	Nhãn hiệu USB-C to Lightning	Trung Quốc	CQSD	Hộp	25	50.000	1.250.000
				Dán cường lực	Nhãn hiệu XO	Trung Quốc	CQSD	Hộp	3	100.000	300.000
				Bao da máy tính bảng	Nhãn hiệu Mutural	Trung Quốc	CQSD	Hộp	3	100.000	300.000
3	Đội 4	49040029/QĐ-XPFC	13/06/22	Micro	Nhãn hiệu SHANXIANGP	Không rõ NGXX	CQSD	Bộ	7	1.000.000	7.000.000
IV. LÔ MẮT KÍNH					TỔNG TRỊ GIÁ LÔ HÀNG						3.350.000
1	Đội 4	49040028/QĐ-XPFC	08/06/22	Mắt kính	Nhãn hiệu Charmant, loại tròng nhựa	Nhật Bản	CQSD	Cái	42	50.000	2.100.000
2	Đội 4	49040030/QĐ-XPFC	16/06/22	Mắt kính	Nhãn hiệu Charmant, loại tròng nhựa	Nhật Bản	CQSD	Cái	25	50.000	1.250.000

Ghi chú:

CQSD: Chưa qua sử dụng

ĐQSD: Đã qua sử dụng



TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG ĐỘC LẬP - Tự do - Hạnh phúc
 TỈNH ĐỒNG THÁP

PHỤ LỤC I
 BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ TÀI SẢN
 CỦA CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG THÁP

(Theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, dìm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0



5	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá</i>	3,0
6	<i>Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá</i>	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	<i>Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5</i>	6,0
1.1	<i>Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)</i>	2,0
1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0
4	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>	3,0
4.1	<i>01 đấu giá viên</i>	1,0

4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0
5.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	2,0
5.2	Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	3,0
5.3	Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	Dưới 50 triệu đồng	2,0
6.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	3,0
6.3	Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	4,0
6.4	Từ 200 triệu đồng trở lên	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)	2,0
7.2	Từ 03 nhân viên trở lên	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp. Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính	3,0
2	Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	4,0
3	Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định	5,0



Tổng số điểm		100
VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>

